

Số: 610 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 27/4/2022 đến 16h00 ngày 28/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 511,6 triệu ca, trên 6,2 triệu ca tử vong.

Tại Trung Quốc, trong bối cảnh số ca nhiễm mới giảm dần, TP. Thượng Hải đang tăng cường nguồn lực để cải thiện tỷ lệ tiêm vaccine ngừa COVID-19 cho người cao tuổi, các quận ở Thượng Hải kết hợp giữa việc "phòng ngừa và kiểm soát" với đẩy mạnh tiêm chủng, trong đó tập trung vào đối tượng người cao tuổi. Trong khi đó, ngày 28/4, chính quyền thành phố Quảng Châu đã hủy hàng trăm chuyến bay, tiến hành xét nghiệm trên diện rộng đối với 5,6 triệu người sau khi phát hiện một ca nghi mắc COVID-19 tại sân bay, Trung tâm Công nghệ Hàng Châu cũng đã yêu cầu 9,4 triệu người trong tổng số 12,2 triệu người dân xét nghiệm cứ 48 giờ/lần nếu muốn lui tới các khu vực công cộng và sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

Một nghiên cứu gần đây của Đại học John Hopkins (Mỹ) khuyến cáo không nên xem nhẹ biến thể Omicron do số bệnh nhân nhiễm biến thể này phải trợ thở và chăm sóc tích cực tương đương với số người nhiễm biến thể Delta. Kết quả nghiên cứu được tiến hành với hơn 2.000 bệnh nhân cho thấy trong số những người phải nhập viện do nhiễm Omicron, 67,7% phải thở oxy và 17,6% phải chăm sóc tích cực, trong khi con số này ở những bệnh nhân nhiễm biến thể Delta lần lượt là 73% và 25,4%. Tuy nhiên, số bệnh nhân nhiễm Omicron dường như ít phải nhập viện hơn so với những người nhiễm Delta. Công trình nghiên cứu này đã được đăng trên EurekAlert thuộc Hiệp hội vì sự tiến bộ của khoa học Mỹ, công bố ngày 27/4.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 28/4/2022, cả nước ghi nhận 10.638.632 ca mắc, trong đó 10.632.453 ca trong nước. Đến nay đã có 9.242.303 người khỏi bệnh, 43.034 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.635.780 ca, trong đó có 10.630.883 ca trong nước, 9.239.486 người đã khỏi bệnh (86,8%), 42.999 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 7.116 ca ghi nhận trong nước tại 58 tỉnh thành phố: Hà Nội (913), Phú Thọ (475), Vĩnh Phúc (418), Yên Bái (305), Nghệ An (292), Lào Cai (288),

Hải Dương (261), Quảng Ninh (252), Tuyên Quang (246), Thái Bình (224), Đắk Lắk (214), Thái Nguyên (209), Bắc Kạn (173), Hưng Yên (165), Nam Định (164), Quảng Bình (157), Bắc Ninh (147), Lâm Đồng (132), Đắk Nông (123), Hà Giang (118), Cao Bằng (112), Hà Tĩnh (102), Hà Nam (101), Lạng Sơn (92), Lai Châu (91), Ninh Bình (88), Quảng Trị (83), Hồ Chí Minh (82), Sơn La (81), Hòa Bình (80), Đà Nẵng (80), Vĩnh Long (74), Bình Phước (71), Bắc Giang (70), Điện Biên (66), Bình Định (58), Bến Tre (55), Thanh Hóa (54), Bình Dương (51), Bà Rịa - Vũng Tàu (47), Phú Yên (41), Tây Ninh (35), Cà Mau (32), Quảng Ngãi (31), Hải Phòng (30), Khánh Hòa (28), Đồng Tháp (23), Bình Thuận (18), Quảng Nam (18), Thừa Thiên Huế (17), Kiên Giang (9), An Giang (5), Long An (4), Kon Tum (3), Trà Vinh (2), Đồng Nai (2), Cần Thơ (2), Hậu Giang (2).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Vĩnh Phúc (+119), Hà Tĩnh (+102), Đắk Nông (+82).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Gia Lai (-245), Đắk Lắk (-113), Bắc Giang (-107).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 9.239.486 người đã khỏi bệnh (86,8%), tăng 79.171 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.353.295 trường hợp, trong đó có 629 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 517 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 47; (3) Thở máy không xâm lấn: 12; (4) Thở máy xâm lấn: 52 (5) Thở ECMO: 1.

- Trong ngày 27/4, ghi nhận 5 trường hợp tử vong (giảm 3 trường hợp so với ngày trước đó) tại: Bến Tre (1), Đắk Lắk (1), Đồng Nai (1), Sóc Trăng (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 27/4/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn 2139/BYT-TB-CT 2022 bãi bỏ các văn bản liên quan đến sinh phẩm/TTB y tế chẩn đoán in vitro xét nghiệm SARS-CoV-2.

- Bộ Y tế đang trình báo cáo, xin ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ về Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 12/2021/UBTVQH15 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19.

- Bộ Y tế đang rà soát văn bản, đánh giá tình hình, trước mắt xem xét tạm dừng thực hiện khai báo y tế nội địa để tạo thuận lợi cho việc đi lại của người dân. Trong trường hợp có biến chủng mới nguy hiểm hoặc có diễn biến dịch COVID-19 bất thường, Bộ Y tế sẽ áp dụng trở lại việc khai báo y tế nội địa và có thông báo cụ thể tới các tỉnh, thành phố.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 27/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 45.239.173 mẫu cho 89.543.522 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 39.495.440 mẫu tương đương 85.795.583 lượt người, tăng 1.045 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu

bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 7.060.111 mẫu gộp cho 49.890.210 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiếp nhận và phân bổ vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 28/4/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 239.245.014 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

1.1. Vắc xin tiêm cho người từ 12 tuổi trở lên

- Đã tiếp nhận: 234.637.014 liều
- Đã phân bổ: 211.318.990 liều
- Số vắc xin còn lại sẽ có kế hoạch phân bổ trong các tháng tiếp theo.

1.2. Vắc xin tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi

- Đã tiếp nhận: 4.608.000 liều
- Đã phân bổ: 2.304.400 liều
- Số vắc xin còn lại sẽ phân bổ cho các địa phương sau khi hoàn thiện các thủ tục kiểm định chất lượng và theo tiến độ tiêm chủng.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 27/4/2022

Cả nước đã tiêm 213.317.994 liều (trong ngày tiêm được 324.687 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 100% số vắc xin phân bổ 143 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (≥ 18 tuổi)	100,0%	100%	56,2%
Trẻ em từ 12-17 tuổi	100%	96,4%	-
Trẻ em từ 5 – 11 tuổi	9,8%	0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 195.130.575 liều:
 - + Mũi 1: 71.442.983 liều
 - + Mũi 2: 70.126.854 liều ; Mũi bổ sung: 15.225.865 liều.
 - + Mũi 3: 38.334.871 liều
- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.364.318 liều:
 - + Mũi 1: 8.896.548 liều
 - + Mũi 2: 8.467.770 liều.
- Số liều tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi là 1.008.414 liều (tất cả đều là mũi 1):
 - + Có 60/63 tỉnh, thành phố triển khai tiêm và có báo cáo kết quả hàng ngày về Bộ Y tế.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có). Số liệu đối tượng từ 5 – 11 tuổi tổng hợp theo Công văn số 54/VSDTTU-TCQG ngày 07/01/2022 của Viện VSDTTU..

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Tại nước ta, dịch bệnh vẫn được kiểm soát trên phạm vi cả nước và có nhiều diễn biến tích cực khi có xu hướng giảm mạnh trong hơn 30 ngày qua, cụ thể: (1) Giảm hơn 20 lần số ca mắc trong ngày: sau giai đoạn cao điểm vào giữa tháng 3 khi có ngày cao điểm ghi nhận tới 175.000 ca mắc trong ngày xuống còn khoảng 8.000 ca mắc trong ngày hiện nay, thấp nhất trong 5,5 tháng qua khi biến thể Omicron chưa xâm nhập và lây lan rộng ở nước ta. (2) Giảm hơn 5 lần số ca nặng, nguy kịch đang điều trị tại bệnh viện từ hơn 3.300 ca xuống còn hơn 600 ca nặng đang điều trị. (3) Giảm hơn 10 lần số ca tử vong, từ hơn 60 ca mỗi ngày xuống còn hơn 5 ca mỗi ngày, thấp nhất trong 10 tháng qua.

Dự báo thời gian tới dịch bệnh vẫn còn diễn biến khó lường trên thế giới, Tổ chức Y tế thế giới vẫn đánh giá thế giới vẫn đang trong giai đoạn đại dịch và cảnh báo về những biến thể mới của vi rút SARS-CoV-2 có thể xảy ra làm cho diễn biến dịch COVID-19 trở nên phức tạp và gia tăng trở lại. Các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục thực hiện hiệu quả, đồng bộ Nghị quyết số 38/NQ-CP về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Nghị quyết số 128/NQ-CP về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; Bám sát tình hình dịch bệnh, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm đến tận cấp cơ sở; tiếp tục rà soát các quy định hiện hành để điều chỉnh kịp thời, triển khai thống nhất.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương: (1) Thực hiện hiệu quả, đồng bộ Nghị quyết số 38/NQ-CP về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Nghị quyết số 128/NQ-CP về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; (2) Bám sát tình hình dịch bệnh, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm đến tận cấp cơ sở; (3) Tiếp tục rà soát các quy định hiện hành để điều chỉnh kịp thời, triển khai thống nhất.

2. Về y tế:

(1) Tiếp tục coi vắc xin là “vũ khí chiến lược”, là yếu tố quyết định, nền tảng trong phòng, chống dịch COVID-19; đẩy mạnh tiêm vắc xin mũi 3 cho đối tượng được chỉ định tiêm trong quý II/2022; hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho trẻ em từ 12-18 tuổi trong tháng 4/2022; đẩy nhanh tiến độ tiếp nhận, nhập khẩu và phân bổ vắc xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi, hoàn thành việc tiêm chủng trong quý II/2022 để bảo đảm an toàn cho trẻ trong kỳ nghỉ hè và chuẩn bị cho năm học mới;

(2) Từng bước tự chủ về thuốc, sinh phẩm xét nghiệm, vật tư y tế để chuẩn bị cho tình huống mọi tình huống dịch bệnh;

(3) Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc quản lý rủi ro nhất là đối với các đối tượng nguy cơ cao (người cao tuổi, bệnh nền, trẻ em...);

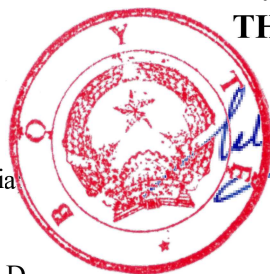
(4) Rà soát, xây dựng các chính sách đãi ngộ, thu hút đối với cán bộ y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở.

3. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo động

lực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trong công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHĐT, TTB, HTQT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn



Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 27/4	Số mắc ngày 28/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 28/4	Số tử vong tích lũy đến 27/4
Có lấy nhiễm thử phát trong 14 ngày qua:		8.004	7.116	-888	10.630.681	42.998
1	Hà Nội	921	913	-8	1.584.454	1.223
2	Hồ Chí Minh	48	82	34	608.242	20.475
3	Nghệ An	351	292	-59	481.009	145
4	Bắc Giang	177	70	-107	385.103	92
5	Bình Dương	28	51	23	383.360	3.460
6	Vĩnh Phúc	299	418	119	364.838	19
7	Hải Dương	292	261	-31	361.027	117
8	Quảng Ninh	304	252	-52	343.011	141
9	Bắc Ninh	148	147	-1	338.823	134
10	Phú Thọ	544	475	-69	315.889	97
11	Nam Định	179	164	-15	294.315	148
12	Thái Bình	202	224	22	265.424	23
13	Hưng Yên	174	165	-9	239.405	5
14	Hòa Bình	83	80	-3	203.904	104
15	Thanh Hóa	47	54	7	197.766	105
16	Thái Nguyên	227	209	-18	183.651	110
17	Lào Cai	297	288	-9	179.268	38
18	Đắc Lắc	327	214	-113	169.217	194
19	Lạng Sơn	139	92	-47	156.063	86
20	Tuyên Quang	250	246	-4	154.754	14
21	Cà Mau	23	32	9	150.090	352
22	Sơn La	105	81	-24	149.363	
23	Yên Bái	350	305	-45	148.572	13
24	Bình Định	48	58	10	138.737	283
25	Tây Ninh	58	35	-23	137.216	871
26	Quảng Bình	230	157	-73	125.351	76
27	Hà Giang	116	118	2	121.089	81
28	Hải Phòng	90	30	-60	119.572	135
29	Khánh Hòa	35	28	-7	117.694	353
30	Bình Phước	61	71	10	117.664	221
31	Đồng Nai	3	2	-1	106.632	1.859
32	BRVT	45	47	2	105.962	483
33	Đà Nẵng	110	80	-30	101.730	326
34	Vĩnh Long	86	74	-12	100.236	816
35	Ninh Bình	121	88	-33	99.373	90
36	Bến Tre	161	55	-106	96.441	480
37	Cao Bằng	125	112	-13	94.442	58
38	Lâm Đồng	169	132	-37	91.021	137
39	Điện Biên	75	66	-9	87.655	20
40	Hà Nam	96	101	5	83.382	62
41	Quảng Trị	84	83	-1	80.744	36
42	Bắc Kạn	213	173	-40	73.731	29
43	Lai Châu	79	91	12	73.106	
44	Đắc Nông	41	123	82	72.571	46
45	Gia Lai	245		-245	68.131	116

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 27/4	Số mắc ngày 28/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 28/4	Số tử vong tích lũy đến 27/4
46	Trà Vinh	8	2	-6	65.466	297
47	Phú Yên	20	41	21	52.619	135
48	Bình Thuận	19	18	-1	52.255	470
49	Đồng Tháp	20	23	3	50.466	997
50	Cần Thơ	1	2	1	49.435	945
51	Long An	9	4	-5	48.852	990
52	Hà Tĩnh		102	102	48.933	51
53	Quảng Nam	29	18	-11	48.796	143
54	Quảng Ngãi	49	31	-18	47.196	124
55	Bạc Liêu	3		-3	46.339	470
56	T.T.Huế	15	17	2	46.153	172
57	An Giang	9	5	-4	41.189	1.379
58	Kiên Giang	14	9	-5	39.740	1.021
59	Tiền Giang			0	36.196	1.220
60	Sóc Trăng			0	34.588	624
61	Kon Tum		3	3	26.237	
62	Hậu Giang	2	2	0	17.508	230
63	Ninh Thuận			0	8.685	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	8.004	7.116	-888	10.630.883	42.998

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 27/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
1	Hà Nội	17.963.264	6.234.211	6.013.744	0	217.366	4.427.850	705.744	682.419	133.074	0	18.414.408	102,5%
2	Hải Phòng	4.468.396	1.699.550	1.627.840	0	579.401	456.392	173.649	174.568	210	0	4.711.610	105,4%
3	Thái Bình	3.472.250	1.163.325	1.205.197	98.660	325.205	567.843	154.397	148.001	26.268	0	3.688.896	106,2%
4	Nam Định	3.271.590	1.153.165	1.134.710	0	57.360	921.332	159.577	157.696	12.293	0	3.596.133	109,9%
5	Hà Nam	1.846.360	585.022	577.085	0	277.617	330.512	71.440	69.259	12.145	0	1.923.080	104,2%
6	Ninh Bình	1.905.400	675.426	668.271	0	235.215	363.910	82.255	79.446	18.929	0	2.123.452	111,4%
7	Thanh Hoá	7.822.380	2.205.107	2.145.276	290.250	431.234	1.849.459	288.213	283.647	27.100	0	7.520.286	96,1%
8	Bắc Giang	3.752.218	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.107.369	149.985	149.460	9.606	0	4.169.967	111,1%
9	Bắc Ninh	3.251.100	1.138.585	1.098.303	0	360.518	650.138	117.456	111.273	13.606	0	3.489.879	107,3%
10	Phú Thọ	2.787.240	1.004.619	1.006.625	0	291.714	531.906	131.870	131.148	26.990	0	3.124.872	112,1%
11	Vĩnh Phúc	2.455.070	796.218	778.427	0	242.994	446.964	118.170	115.025	7.790	0	2.505.588	102,1%
12	Hải Dương	3.710.276	1.336.461	1.295.294	6.607	103.301	809.825	157.247	155.092	11.199	0	3.875.026	104,4%
13	Hưng Yên	2.488.362	826.764	803.485	0	309.290	400.508	110.591	110.075	6.230	0	2.566.943	103,2%
14	Thái Nguyên	2.804.020	916.705	888.549	12.792	208.973	508.911	111.389	108.915	23.270	0	2.779.504	99,1%
15	Bắc Cạn	643.380	218.383	208.123	0	14.545	166.081	26.026	25.102	6.937	0	665.197	103,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
16	Quảng Ninh	3.325.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	13.890	0	3.182.546	95,7%
17	Hoà Bình	1.734.518	560.330	537.225	758	238.734	288.415	77.707	73.764	0	0	1.776.933	102,4%
18	Nghệ An	6.065.990	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	921.437	281.138	267.952	16.939	0	6.560.858	108,2%
19	Hà Tĩnh	2.418.870	806.308	760.336	0	283.419	308.234	114.027	112.309	1.469	0	2.386.102	98,6%
20	Lai Châu	862.810	257.635	248.334	529	108.486	146.768	55.304	49.973	8.133	0	875.162	101,4%
21	Lạng Sơn	1.759.230	512.650	505.778	0	0	437.792	68.139	63.327	13.293	0	1.600.979	91,0%
22	Tuyên Quang	1.540.540	494.479	491.270	0	86.532	355.251	76.946	75.283	4.197	0	1.583.958	102,8%
23	Hà Giang	1.774.160	492.137	482.299	557	212.591	245.604	89.616	87.609	11.182	0	1.621.595	91,4%
24	Cao Bằng	1.093.950	351.604	335.814	0	74.623	169.582	46.703	41.742	8.565	0	1.028.633	94,0%
25	Yên Bái	1.905.194	519.419	511.085	0	265.833	352.031	80.824	77.321	13.170	0	1.819.683	95,5%
26	Lào Cai	1.742.610	468.172	459.442	0	258.564	255.838	83.037	77.503	9.327	0	1.611.883	92,5%
27	Sơn La	2.166.970	742.203	714.518	2.362	0	542.628	144.821	135.093	19.302	0	2.300.927	106,2%
28	Điện Biên	1.172.360	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	21.502	0	1.145.225	97,7%
Cộng miền Bắc		90.203.876	29.820.476	29.091.872	911.548	6.168.043	18.555.852	3.877.083	3.747.835	476.616	0	92.649.325	102,7%
29	Quảng Bình	1.614.492	540.744	529.958	0	178.105	241.710	82.292	77.004	376	0	1.650.189	102,2%
30	Quảng Trị	1.321.572	434.182	420.581	10.632	65.637	263.148	65.980	61.032	3.642	0	1.324.834	100,2%
31	TT- Huế	2.625.706	787.868	769.267	0	286.334	399.810	104.937	100.296	10.682	0	2.459.194	93,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
32	Tp. Đà Nẵng	2.490.732	881.445	866.509	0	82.409	622.453	102.158	99.989	7.627	0	2.662.590	106,9%
33	Quảng Nam	3.240.460	1.086.441	1.056.250	32.545	438.194	430.716	132.605	130.337	0	0	3.307.088	102,1%
34	Quảng Ngãi	2.779.864	853.860	814.084	0	125.535	528.840	114.341	113.152	9.294	0	2.559.106	92,1%
35	Bình Định	3.038.070	1.054.963	1.022.284	53.983	367.236	467.193	142.664	139.750	6.800	0	3.254.873	107,1%
36	Phú Yên	1.752.054	627.013	606.563	508	81.418	320.447	87.647	80.004	7.628	0	1.811.228	103,4%
37	Khánh Hòa	2.786.758	979.975	953.855	0	395.983	360.167	123.358	117.532	13.165	0	2.944.035	105,6%
38	Ninh Thuận	1.245.410	432.684	404.754	0	156.228	180.937	62.026	59.399	2.605	0	1.298.633	104,3%
39	Bình Thuận	2.747.980	916.007	889.840	7.207	286.409	227.487	132.948	124.281	12.469	0	2.596.648	94,5%
Cộng miền Trung		25.643.098	8.595.182	8.333.945	104.875	2.463.488	4.042.908	1.150.956	1.102.776	74.288	0	25.868.418	100,9%
40	Kon Tum	1.061.840	321.753	321.906	10.696	95.204	128.874	60.178	55.945	4.297	0	998.853	94,1%
41	Gia Lai	3.028.952	996.444	922.914	80.425	217.568	318.397	170.115	152.184	14.441	0	2.872.488	94,8%
42	Đắk Lắk	3.634.100	1.262.280	1.207.188	0	525.511	329.977	184.807	171.214	0	0	3.680.977	101,3%
43	Đắk Nông	1.368.440	403.464	399.698	0	221.092	184.424	68.281	66.310	9.930	0	1.353.199	98,9%
Cộng Tây Nguyên		9.093.332	2.983.941	2.851.706	91.121	1.059.375	961.672	483.381	445.653	28.668	0	8.905.517	97,9%
44	TP. HCM	20.631.120	7.400.120	6.689.631	0	683.045	4.268.891	735.833	686.717	211.817	0	20.676.054	100,2%
45	BR-VT	2.779.740	971.107	913.888	0	28.675	664.444	110.539	109.284	6.409	0	2.804.346	100,9%
46	Đồng Nai	6.669.198	2.840.333	2.746.943	0	181.425	765.271	295.761	274.599	76.834	0	7.181.166	107,7%
47	Tiền Giang	3.913.790	1.325.647	1.281.529	131.258	106.062	862.356	158.290	158.778	3.945	0	4.027.865	102,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 143 đợt	Người từ 18 tuổi trở lên					Người từ 12-17 tuổi		Người từ 5-11 tuổi		Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 143 đợt
			Mũi 1	Mũi 2	Vắc xin Abdala mũi 3	Liều bổ sung	Mũi 3 (Liều nhắc lại)	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 1	Mũi 2		
48	Long An	4.371.996	1.501.789	1.465.906	0	22.933	1.148.846	172.717	159.414	20.881	0	4.492.486	102,8%
49	Lâm Đồng	3.059.680	983.669	969.281	0	528.474	269.294	141.931	122.401	28.537	0	3.043.587	99,5%
50	Tây Ninh	2.736.548	948.968	897.160	0	32.549	519.584	109.709	101.512	4.710	0	2.614.192	95,5%
51	Cần Thơ	2.818.558	945.431	928.399	6.018	347.054	384.554	111.629	104.229	17.540	0	2.844.854	100,9%
52	Sóc Trăng	3.148.634	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	6.830	0	2.718.338	86,3%
53	An Giang	4.353.510	1.377.840	1.363.399	191.969	474.006	438.777	207.518	191.965	8.326	0	4.253.800	97,7%
54	Bến Tre	3.132.738	1.024.925	1.014.090	0	480.792	322.785	106.936	106.272	5.930	0	3.061.730	97,7%
55	Trà Vinh	2.240.712	698.980	685.479	0	14.376	521.092	98.647	94.348	20.764	0	2.133.686	95,2%
56	Vĩnh Long	2.643.220	779.382	767.235	0	290.711	438.294	94.107	89.282	16.827	0	2.475.838	93,7%
57	Đồng Tháp	3.788.606	1.163.706	1.214.498	148	385.947	606.117	157.885	149.140	26.924	0	3.704.365	97,8%
58	Bình Dương	6.370.052	2.634.142	2.196.403	0	163.789	1.440.424	199.855	167.983	32.184	0	6.834.780	107,3%
59	Bình Phước	2.441.604	753.616	723.640	0	222.175	305.724	109.584	100.949	24.198	0	2.239.886	91,7%
60	Kiên Giang	3.830.250	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	19.237	0	3.549.700	92,7%
61	Cà Mau	2.964.910	820.314	809.499	0	466.477	247.085	127.106	126.643	15.520	0	2.612.644	88,1%
62	Bạc Liêu	1.749.584	568.734	561.351	0	181.719	236.996	88.833	86.226	14.448	0	1.738.307	99,4%
63	Hậu Giang	1.567.734	533.015	515.645	0	254.239	152.523	74.049	71.656	8.964	0	1.610.091	102,7%
Cộng miền Nam		85.212.184	29.408.856	27.786.153	398.365	5.534.959	14.361.923	3.385.128	3.171.506	570.825	0	84.617.715	99,3%

Ghi chú:

- 1.382.400 liều vắc xin Moderna đợt 143 có Quyết định phân bổ ngày 18/4/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 70.250 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.468.056 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 374.053 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 27/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	945.000	100,0%	100,0%	81,3%	100,0%	100,0%	14,1%	0,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	206.458	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	100,0%	0,1%	0,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	200.000	93,4%	96,8%	45,6%	100,0%	98,7%	13,1%	0,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	230.518	99,5%	97,9%	79,5%	100,0%	99,0%	5,3%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
5	Hà Nam	612.219	72.258	108.982	95,6%	94,3%	54,0%	98,9%	95,8%	11,1%	0,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	123.949	100,0%	100,0%	54,7%	100,0%	97,2%	15,3%	0,0%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	469.354	100,0%	97,3%	83,9%	100,0%	99,4%	5,8%	0,0%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	260.234	100,0%	100,0%	86,5%	100,0%	99,6%	3,7%	0,0%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	182.176	99,3%	95,8%	56,7%	100,0%	95,3%	7,5%	0,0%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	211.047	99,4%	99,6%	52,6%	100,0%	100,0%	12,8%	0,0%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	172.635	100,0%	98,5%	56,6%	100,0%	99,2%	4,5%	0,0%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	242.117	99,4%	96,4%	60,3%	99,8%	98,4%	4,6%	0,0%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	161.948	100,0%	97,3%	48,5%	98,0%	97,6%	3,8%	0,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	166.828	99,9%	96,8%	55,4%	100,0%	100,0%	13,9%	0,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	39.755	99,2%	94,5%	75,4%	100,0%	99,6%	17,4%	0,0%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	151.613	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%	9,2%	0,0%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	115.613	98,3%	94,2%	50,6%	100,0%	100,0%	0,0%	0,0%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	461.927	100,0%	100,0%	47,0%	100,0%	97,6%	3,7%	0,0%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	181.514	100,0%	95,6%	38,8%	98,8%	97,3%	0,8%	0,0%
20	Lai Châu	261.410	52.540	83.177	98,6%	95,0%	56,1%	100,0%	95,1%	9,8%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	95.009	100,0%	99,9%	86,5%	100,0%	96,3%	14,0%	0,0%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	122.745	100,0%	100,0%	72,8%	100,0%	100,0%	3,4%	0,0%
23	Hà Giang	490.008	89.928	135.897	100,0%	98,4%	50,1%	99,7%	97,4%	8,2%	0,0%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	70.458	95,3%	91,0%	46,0%	100,0%	94,3%	12,2%	0,0%
25	Yên Bái	510.271	79.169	119.784	100,0%	100,0%	69,0%	100,0%	97,7%	11,0%	0,0%
26	Lào Cai	445.152	79.914	114.364	100,0%	100,0%	57,5%	100,0%	97,0%	8,2%	0,0%
27	Sơn La	737.237	141.675	186.527	100,0%	96,9%	73,6%	100,0%	95,4%	10,3%	0,0%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99.253	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%	21,7%	0,0%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	5.658.882	100,0%	100,0%	64,4%	100,0%	99,0%	8,4%	0,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	112.968	99,8%	97,8%	44,6%	100,0%	96,8%	0,3%	0,0%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	74.879	95,7%	92,7%	58,0%	100,0%	93,2%	4,9%	0,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	131.214	100,0%	98,6%	51,3%	100,0%	97,2%	8,1%	0,0%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	118.200	99,6%	97,9%	70,3%	99,9%	97,8%	6,5%	0,0%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	180.775	100,0%	97,2%	39,6%	94,5%	92,8%	0,0%	0,0%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	146.412	100,0%	95,5%	62,0%	99,5%	98,5%	6,3%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
35	Bình Định	1.115.072	146.514	169.534	94,6%	91,7%	41,9%	97,4%	95,4%	4,0%	0,0%
36	Phú Yên	649.673	85.684	105.168	96,5%	93,4%	49,3%	100,0%	93,4%	7,3%	0,0%
37	Khánh Hòa	952.940	113.857	123.242	100,0%	100,0%	37,8%	100,0%	100,0%	10,7%	0,0%
38	Ninh Thuận	522.982	52.588	75.706	82,7%	77,4%	34,6%	100,0%	100,0%	3,4%	0,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	152.935	100,0%	98,6%	25,2%	100,0%	100,0%	8,2%	0,0%
Cộng miền Trung		8.742.625	1.133.285	1.391.033	98,3%	95,3%	46,2%	100,0%	97,3%	5,3%	0,0%
40	Kon Tum	333.913	59.255	79.368	96,4%	96,4%	38,6%	100,0%	94,4%	5,4%	0,0%
41	Gia Lai	950.154	166.462	212.499	100,0%	97,1%	33,5%	100,0%	91,4%	6,8%	0,0%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	230.749	99,7%	95,3%	26,1%	99,5%	92,2%	0,0%	0,0%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	94.245	99,7%	98,7%	45,6%	100,0%	96,3%	10,5%	0,0%
Cộng Tây Nguyên		2.955.037	480.304	616.861	100,0%	96,5%	32,5%	100,0%	92,8%	4,6%	0,0%
44	TP. HCM	6.690.998	808.824	898.537	100,0%	100,0%	63,8%	91,0%	84,9%	23,6%	0,0%
45	BR-VT	956.596	112.724	110.762	100,0%	95,5%	69,5%	98,1%	96,9%	5,8%	0,0%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	440.000	100,0%	100,0%	30,7%	100,0%	94,0%	17,5%	0,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	172.983	100,0%	98,5%	66,3%	99,9%	100,0%	2,3%	0,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	184.624	100,0%	100,0%	79,1%	100,0%	95,1%	11,3%	0,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 5-11 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 5-11 tuổi
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	179.662	100,0%	99,7%	27,7%	100,0%	92,9%	15,9%	0,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	116.688	99,4%	94,0%	54,4%	100,0%	98,2%	4,0%	0,0%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	125.456	99,7%	97,9%	40,6%	99,0%	92,4%	14,0%	0,0%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	201.296	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%	3,4%	0,0%
53	An Giang	1.371.622	198.826	222.440	100,0%	99,4%	32,0%	100,0%	96,5%	3,7%	0,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	132.151	98,7%	97,6%	31,1%	100,0%	100,0%	4,5%	0,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	120.411	100,0%	98,2%	74,6%	100,0%	98,0%	17,2%	0,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	106.867	100,0%	99,8%	57,0%	100,0%	97,4%	15,7%	0,0%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	178.550	93,5%	97,5%	48,7%	98,7%	93,2%	15,1%	0,0%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	275.081	100,0%	100,0%	69,7%	100,0%	93,3%	11,7%	0,0%
59	Bình Phước	758.594	107.044	139.023	99,3%	95,4%	40,3%	100,0%	94,3%	17,4%	0,0%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	215.957	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%	8,9%	0,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	126.774	100,0%	99,5%	30,4%	100,0%	100,0%	12,2%	0,0%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	105.959	99,3%	98,0%	41,4%	97,8%	94,9%	13,6%	0,0%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	78.567	99,4%	96,2%	28,4%	100,0%	100,0%	11,4%	0,0%
Cộng miền Nam		27.692.476	3.383.802	4.131.788	100,0%	100,0%	51,9%	100,0%	93,7%	13,8%	0,0%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 27/4/2022 đến 16h00 ngày 28/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 8.082 lượt người (nhập cảnh: 4.141, xuất cảnh: 3.941).
- + Tuyến VN-TQ: 898 lượt người (nhập cảnh: 396, xuất cảnh: 502).
- + Tuyến VN-Lào: 2.582 lượt người (nhập cảnh: 1.377, xuất cảnh: 1.205).
- + Tuyến VN-CPC: 4.602 lượt người (nhập cảnh 2.368; xuất cảnh: 2.234).

II. Bộ Công an

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục theo dõi tình hình dịch COVID-19 trong và ngoài ngành.
- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 trong CAND.
- Tham dự Hội nghị trực tuyến quán triệt việc “làm sạch” dữ liệu tiêm chủng COVID-19 và hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ của Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tổ chức tại Bộ Y tế.
- Thông báo cấp bổ sung vắc xin Pfizer phòng COVID-19 đối với Công an TP Đà Nẵng, Bệnh viện 199, Công an tỉnh Kiên Giang, CATP Hồ Chí Minh, Công an tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh Long An, Công an tỉnh Vĩnh Long.
- Cấp hỗ trợ thuốc, hóa chất, phương tiện phòng hộ cá nhân phòng chống dịch bệnh cho Công an các đơn vị, địa phương.

2. Công tác thu dung, điều trị tại các Bệnh viện hạng I

- Cơ sở thu dung, điều trị tại Bệnh viện 19-8: đã thu dung, điều trị 1.539 trường hợp, điều trị khỏi: 663 trường hợp, chuyển điều trị 870 trường hợp, đang điều trị 06 trường hợp.
- Cơ sở thu dung, điều trị tại Bệnh viện 199: đã thu dung, điều trị 536 trường hợp, điều trị khỏi: 529 trường hợp, đang điều trị 07 trường hợp.
- Khu điều trị COVID-19 thuộc Khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện 30-4: đã thu dung, điều trị 810 trường hợp, chuyển điều trị 6 trường hợp, điều trị khỏi 797 trường hợp, đang điều trị 07 trường hợp.
- Cơ sở thu dung, điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền: đã thu dung, điều trị 148 trường hợp, điều trị khỏi 146 trường hợp, đang điều trị 02 trường hợp.

II. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 28/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 28 tin/bài tiếng Việt; 61 ảnh trong nước và quốc tế; 11 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 03 đồ họa về tình hình dịch

bệnh COVID-19, công tác tiêm vaccine phòng COVID-19 ở Việt Nam và quy định tạm dừng khai báo y tế đối với người nhập cảnh vào Việt Nam.

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnanet.vn/> và <https://covid19.vnanet.vn/>; đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực, đặc biệt là fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ: www.facebook.com/ThongtanxaVietNam/.

III. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 26/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.614.000 cuộc gọi (ngày 26/4 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

14/4	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4
275 0	252 5	306 0	222 9	236 4	343 7	310 8	320 5	285 5	212 8	169 2	294 1	337 9

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 26/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 26/4/2022 đã tiếp nhận 10 cuộc).

Tiêu chí	13/ 4	14/ 4	15/ 4	16/ 4	17/ 4	18/ 4	19/ 4	20/ 4	21/ 4	22/ 4	23/ 4	24/ 4	25/ 4	26/ 4
Cuộ c gọi đến	11	13	10	6	9	7	7	11	8	5	6	6	12	10

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 45.254.377, chiếm 47,17% dân số, 67,86% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.789.441 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 281.609.236

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 212.600.099
- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 200.627.899
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94,37%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.834.256
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

Tin, bài về COVID-19 chiếm 19%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử (3.141 tin, bài). Các cơ quan báo chí có nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: baotintuc.vn, vietnamplus.vn, laodong.vn, thanhnien.vn, vtv.vn, zingnews.vn, vnexpress.vn,...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19;
- Tuyên truyền công tác phòng, chống dịch của các bộ, ngành, địa phương, thúc đẩy tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi...
- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Thông tin về công tác phòng, chống dịch:

- Bộ Y tế có văn bản hỏa tốc gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc tạm dừng áp dụng khai báo y tế tại cửa khẩu đối với COVID-19.

Văn bản của Bộ Y tế cho biết, hiện nay, dịch COVID-19 đã ghi nhận tại hầu hết các nước trên thế giới, đã có vaccine phòng bệnh đặc hiệu và có hiệu quả với các chủng virus SARS-CoV-2 hiện đang lưu hành; trong thời gian gần đây, dịch đã có xu hướng giảm cả số mắc và tử vong trên phạm vi toàn cầu.

Tại Việt Nam, Bộ Y tế cho biết dịch COVID-19 đã được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc với tỷ lệ bao phủ vắc-xin phòng COVID-19 cao.

Căn cứ tình hình dịch COVID-19 và Nghị định số 89/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới, Bộ Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung, cụ thể:

+ Duy trì giám sát hành khách nhập cảnh tại các cửa khẩu theo quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

+ Chủ động cập nhật các tài liệu truyền thông, khuyến cáo phòng, chống dịch COVID-19 phù hợp với tình hình hiện nay và chủ động đưa tin kịp thời. Bộ Y tế tiếp tục cập nhật, cung cấp thông tin về hình hình dịch bệnh trên thế giới và trong nước để có các biện pháp phòng chống dịch phù hợp.

- Cục Công nghệ Thông tin, Bộ Y tế cho biết, đến nay hơn 2,7 triệu người Việt Nam đã có hộ chiếu vắc-xin phòng COVID-19. Chỉ những đối tượng đã được xác minh đúng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mới ký được xác nhận hộ chiếu vắc-xin.

Hộ chiếu vắc-xin điện tử là chứng nhận tiêm chủng COVID-19 điện tử do Bộ Y tế cấp cho người dân, sử dụng các tiêu chuẩn do Tổ chức Y tế thế giới và Liên minh

Châu Âu ban hành hiện đang được sử dụng tại 62 quốc gia và trong thời gian tới sẽ có thêm các quốc gia khác sử dụng.

- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam làm việc với Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, lãnh đạo UBND TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh về giải pháp, phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế, nhất là chất thải lây nhiễm phát sinh từ hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, hiện nay có 38 tỉnh, thành phố thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế lây nhiễm tại các bệnh viện. Đáng chú ý, vẫn còn 25 tỉnh, thành phố chưa ban hành kế hoạch hoặc chưa bố trí kinh phí thu gom vận chuyển, xử lý chất thải y tế, chất thải lây nhiễm, gây khó khăn, lúng túng cho các cơ sở y tế trong việc tìm đơn vị để chuyển giao chất thải đưa đi xử lý. Trong tình hình dịch bệnh hiện nay, việc cách ly, điều trị người nhiễm COVID-19 chiếm tỉ lệ rất lớn, vì vậy, cần phải rà soát lại các hướng dẫn, tăng cường tập huấn, hỗ trợ người dân phân loại chất thải lây nhiễm; bổ sung phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải lây nhiễm tại nhà, có kiểm tra, giám sát không để phát tán mầm bệnh ra cộng đồng...

- Bộ Y tế đã họp các hội đồng chuyên môn, sẽ có hướng dẫn về tiêm vaccine phòng COVID-19 mũi 4 cho một số đối tượng, đồng thời tiêm mũi 3 cho trẻ từ 12- 17 tuổi.

Liên quan đến việc tiêm mũi 4, trong Thông báo 114/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp lần thứ 14 Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 trực tuyến với các địa phương, Thủ tướng giao Bộ Y tế và các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 cho các đối tượng trong chỉ định tiêm, nhất là các đối tượng rủi ro cao như người cao tuổi, người có bệnh nền, người lao động tại các khu công nghiệp, đô thị lớn...

(3) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- TP. Hồ Chí Minh:

Lãnh đạo Sở Y tế TP. HCM cho biết, hiện nay số ca mắc COVID-19 mới mỗi ngày của Thành phố dưới 100 ca, chủ yếu là biến chủng Omicron, không triệu chứng. Số điều trị tại nhà còn khoảng 5.000 ca và 400 ca điều trị tại bệnh viện, trong đó một tín hiệu đáng mừng khi chỉ còn 23 ca thở máy, 3 tuần liên tiếp không có ca tử vong.

Tất cả phường, xã đều ở cấp độ dịch mức 1; 4 phường, xã ở cấp độ 2. Qua thời gian theo dõi, chưa phát hiện biến chủng BA4, BA5.

Hiện nay, số ca bệnh nặng ở các bệnh viện đã chiến 3 tầng hầu như không còn, sau lễ 30/4 - 01/5 sẽ rút gọn lại các cơ sở thu dung điều trị COVID-19. Với tình hình hiện tại không cần lập trạm y tế lưu động, các quận, huyện sẽ chủ động chọn ngày ngưng hoạt động.

- Tỉnh Quảng Trị: Theo thống kê, trong đợt này, tỉnh Quảng Trị có 81.665 trẻ từ 5 - dưới 12 tuổi sẽ được tiêm vắc-xin phòng COVID-19. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật CDC tỉnh Quảng Trị cho biết, việc tổ chức tiêm vắc-xin phòng chống COVID-19 cho trẻ từ 5 dưới 12 tuổi có ý nghĩa hết sức quan trọng, trước tiên là để bảo vệ sức khỏe cho trẻ em trong tình hình dịch bệnh, góp phần giảm mắc bệnh cho trẻ em, giảm lây truyền giữa các thế hệ trong gia đình và các giáo viên, học sinh tại trường học. Đồng thời, giúp thúc đẩy các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, sớm đưa cuộc sống trở lại bình thường.